

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30 – 11 – 2020

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiền.

Ông Nguyễn Hoài Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 477/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 498/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1997; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hải A, sinh năm 1995; cư trú tại: Ấp Tân T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hải A tổ chức đám cưới năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng thời gian về sau xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh chị thường xuyên cãi vã vì bất đồng quan điểm, mặc dù gia đình thân tộc hai bên đã nhiều lần góp ý hàn gắn nhưng không thành, hiện tại chị và anh A đã ly thân với nhau hơn 08 tháng. Từ đó tình cảm giữa chị với anh A không còn gắn bó, yêu thương nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng, không ai còn có trách nhiệm với ai. Nay chị xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hải A.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh A có 01 con chung là Nguyễn Trọng K, sinh ngày 01/9/2017, hiện đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con chung, không đặt ra việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Hải A: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh A nhưng anh A không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị T và không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Hải A đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T, anh A là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh A tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Chị T xác định quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm, mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, từ đó tình cảm giữa anh chị không còn gắn bó, thương yêu nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng, không ai còn có trách nhiệm với ai và hiện tại anh chị đã ly thân nhau. Đối với anh A không có ý kiến phản đối yêu cầu xin ly hôn của chị T cho thấy anh không có nguyện vọng để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho chị T được ly hôn anh A là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi con chung là Nguyễn Trọng K, sinh ngày 01/9/2017. Xét thấy: Từ khi chị T và anh A ly thân đến nay thì cháu K sống chung với chị T và đã có cuộc sống ổn định, phát triển tốt về mặt thể chất lẫn tinh thần, đối với anh A không thể hiện ý kiến được nuôi dưỡng con chung. Do đó để tránh thay đổi môi trường sống của cháu, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao Nguyễn Trọng K cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp; trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung: Chị T xác định anh, chị tự thỏa thuận; về nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hải A.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Trọng K, sinh ngày 01/9/2017 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Anh Nguyễn Hải A không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng, ngày 09/10/2020 chị T đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011142 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu, sung quỹ nhà nước.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- UBND xã T; huyện Đ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Dũng Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hiến

Nguyễn Hoài Phong

Hồ Dũng Liêm

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Dũng Liêm